

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I, NHIỆM KỲ 2025 - 2030
về lãnh đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh
giai đoạn 2026 - 2030

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trong giai đoạn 2021 - 2025, việc triển khai đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả quan trọng và toàn diện. Diện mạo nông thôn khởi sắc rõ rệt, hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, tăng cường tính kết nối liên vùng. Công tác giảm nghèo đa chiều đạt kết quả tích cực, thu hẹp dần khoảng cách mức sống giữa các vùng miền; đến năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh còn 2,5% (giảm 10,22 điểm%, bình quân giảm 2,04 điểm%/năm), thu nhập bình quân đầu người đạt 52,5 triệu đồng/người/năm (tăng 50,1% so với năm 2020, bình quân tăng 8,5%/năm). Y tế, văn hóa, giáo dục được quan tâm, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố vững chắc niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Tuy nhiên, cơ chế phối hợp, điều phối và lồng ghép nguồn lực giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, cũng như giữa các chương trình với các dự án phát triển kinh tế - xã hội khác trên cùng một địa bàn còn lúng túng dẫn đến tình trạng manh mún, phân tán trong đầu tư, chưa tối ưu hiệu quả tổng hợp của các nguồn vốn. Tiến độ triển khai một số dự án, tiểu dự án thành phần chậm so với kế hoạch; tỷ lệ giải ngân nguồn vốn kinh phí sự nghiệp đạt thấp, kéo dài qua các năm; một số nội dung chi cho công tác kiểm tra, giám sát, đào tạo nâng cao năng lực chưa được thực hiện hiệu quả. Đời sống của một bộ phận người dân nông thôn, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn; tỷ lệ giảm nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn chưa vững chắc, nguy cơ tái nghèo khi gặp thiên tai, dịch bệnh còn cao.

Nguyên nhân chủ yếu là do xuất phát điểm của tỉnh còn thấp, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia chưa đồng bộ; một số đơn vị, địa phương chưa quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ cơ sở còn hạn chế; một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào hỗ trợ của Nhà nước.

Nhằm triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2035 (*sau đây viết tắt là Chương trình*) theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội, quyết tâm xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững, cải thiện rõ rệt đời sống Nhân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh tập trung quán triệt, thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nội dung sau:

II. QUAN ĐIỂM

1. Thực hiện Chương trình là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội theo phương châm đảm bảo tính kế thừa, phát triển, phù hợp với quy hoạch tỉnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030.

2. Phát triển kinh tế nông thôn là nền tảng, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo.

3. Bảo đảm quyền tiếp cận bình đẳng các dịch vụ cơ bản, hạ tầng thiết yếu và cơ hội phát triển bền vững cho mọi người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo với phương châm “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu

Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm bình đẳng giới và an sinh xã hội. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn, sinh thái, gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp để nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống và thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với các vùng khác. Giữ gìn, phát

huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số; nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng chiến lược, biên giới và hải đảo.

2. Chỉ tiêu đến năm 2030

- Phân đầu tăng thu nhập bình quân của người dân nông thôn gấp 2,5 - 3 lần so với năm 2020, tăng thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước.

- Có trên 65% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có khoảng 2% số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Trên 70% dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn.

- Phân đầu cơ bản không còn hộ nghèo.

- 100% hộ dân tộc thiểu số đủ đất ở, đất sản xuất theo định mức.

- Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cơ bản không còn xã, thôn đặc biệt khó khăn.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân về ý nghĩa, mục đích, sự cần thiết của Chương trình để tạo sự đồng thuận và hưởng ứng của toàn xã hội.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy vai trò của các cơ quan trong hệ thống chính trị trong triển khai thực hiện Chương trình

Các cấp ủy, nhất là người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình theo hướng phối hợp đồng bộ, hiệu quả việc triển khai Chương trình với các chương trình, dự án khác, nhất là các chính sách dân tộc tại địa phương, đơn vị; chủ động tích hợp, đưa các mục tiêu, chỉ tiêu xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, giai đoạn của địa phương. Tiến hành xây dựng khung kế hoạch, lộ trình thực hiện và giao chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức gắn với trách nhiệm của người đứng đầu. Xác định kết quả thực hiện Chương trình là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại hằng quý, hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên, cán bộ lãnh đạo quản lý.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá sát tình hình thực hiện Chương trình từ khâu chuẩn bị đến triển khai theo từng nội dung, tiêu chí cụ

thể để kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và có giải pháp linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế nhằm bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu đề ra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết, kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Thành lập, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan tổ chức thực hiện Chương trình theo hướng tập trung, đảm bảo đồng bộ, thống nhất, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ tham mưu triển khai Chương trình, nhất là cấp cơ sở, gắn với quy hoạch, đào tạo, chuẩn hóa và phát triển nguồn cán bộ tại chỗ, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc thiểu số.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường trách nhiệm và trao quyền chủ động cho địa phương trong tổ chức thực hiện các chính sách đặc thù; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở.

Nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình. Đổi mới, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua, nhất là Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 – 2030”, Phong trào “Cả nước chung tay phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030”, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi nếp nghĩ, cách làm để vươn lên thoát nghèo bền vững, gắn với xây dựng và nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong thực hiện Chương trình nhằm tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

Xây dựng kế hoạch thực hiện, bảo đảm sát nhu cầu thực tế, cân đối, bố trí ngân sách địa phương hợp lý, hiệu quả. Chú trọng bố trí ngân sách địa phương để ủy thác thực hiện tín dụng chính sách thông qua hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của nguồn vốn tín dụng chính sách từ Ngân hàng Chính sách xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, nhất là người nghèo và các đối tượng chính sách khác, trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng chính sách để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập.

Thực hiện lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia khác, các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu và các nguồn vốn khác trên địa bàn để bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu, mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt, không để xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản. Đồng thời, đẩy mạnh thu hút và huy động các nguồn lực hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ

Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đúng mục tiêu, đúng đối tượng; không để xảy ra tình trạng trùng lặp, thất thoát, lãng phí. Ưu tiên các nguồn lực cho hạ tầng thiết yếu, nhất là hệ thống giao thông, điện, nước sinh hoạt, viễn thông... tạo động lực phát triển; đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới xây dựng nông thôn mới thông minh, hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu; tập trung đầu tư giao thông liên thôn, liên xã, đường đến trung tâm xã, gắn xây dựng hạ tầng với phát triển sinh kế, sản xuất hàng hóa, du lịch cộng đồng, kinh tế rừng; quan tâm bảo vệ môi trường, xử lý rác thải, đầu tư trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập, chăm sóc sức khỏe, thụ hưởng văn hóa của người dân ở cơ sở.

Tiếp tục giải quyết căn bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, hỗ trợ chuyển đổi nghề cho đối tượng phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Đẩy mạnh đầu tư các dự án bố trí, sắp xếp ổn định dân cư các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo để người dân định canh định cư, đảm bảo đất sản xuất, yên tâm sản xuất và ổn định cuộc sống lâu dài và an cư lạc nghiệp.

Tập trung cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu thủ công nghiệp theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, hạ tầng kinh tế - xã hội và thích ứng với thị trường. Ưu tiên áp dụng các quy trình sản xuất nông nghiệp giảm phát thải, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, bảo vệ tài nguyên; khuyến khích thực hành sản xuất tốt (*VietGAP, GlobalGAP*), sử dụng vật tư nông nghiệp an toàn và truy xuất nguồn gốc; chú trọng xây dựng thương hiệu, mở rộng thị trường và thúc đẩy sản phẩm OCOP phù hợp nhu cầu, đặc sản vùng miền. Chú trọng thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi, nhất là các dự án sản xuất, chế biến nông - lâm sản, phát triển du lịch sinh thái, tạo việc làm tại chỗ cho người dân, góp phần giảm nghèo bền vững. Ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, an toàn khu, biên giới và hải đảo. Có chính sách khuyến khích, thu hút trí thức trẻ, thanh niên tham gia phát triển nông thôn, miền núi, vùng khó khăn; thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo gắn với điều kiện thực tiễn địa phương.

5. Phát triển văn hóa - xã hội, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; chăm sóc sức khỏe, dân số; phát triển văn hoá trên địa bàn tỉnh

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học và giáo dục thường xuyên; tập trung nguồn lực đầu tư kiên cố hóa trường, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên; bảo đảm đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học tối thiểu, nhất là ở các vùng nông thôn, miền núi, biên giới và hải đảo. Chú trọng nâng cao chất lượng giáo

dục, tổ chức các điểm trường nội trú, bán trú bảo đảm điều kiện học tập tốt nhất cho học sinh ở các xã biên giới.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám, chữa bệnh ở các tuyến, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế cơ sở, nhất là vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa; góp phần xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả và bền vững.

Chú trọng thực hiện và huy động các tổ chức, cá nhân trong xã hội tích cực tham gia thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, điều dưỡng, đền ơn đáp nghĩa người có công với cách mạng. Phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm lo đời sống đối với các đối tượng yếu thế, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ phát triển toàn diện. Hỗ trợ sinh kế đối với người khuyết tật. Bảo vệ và phát huy vai trò của người cao tuổi trong gia đình và xã hội.

Chú trọng phục hồi, bảo tồn các loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Xây dựng và triển khai hiệu quả Đề án bảo tồn và phát huy giá trị nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 – 2030. Tiếp tục khôi phục, lưu giữ bí quyết nghề nghiệp và phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của các nghề truyền thống (dệt, đan lát, làm rượu cần, rèn...) trong cộng đồng dân tộc thiểu số tại chỗ và phát triển thành hàng hóa. Phát huy giá trị của di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của Nhân dân trong xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn, hạn chế tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

6. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới

Nâng cao chất lượng, hiệu quả Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự theo hướng xã hội hóa với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải tại cộng đồng phù hợp với đặc điểm vùng, miền, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số trong bảo đảm an ninh, trật tự khu vực nông thôn.

Chú trọng công tác phòng, chống tệ nạn xã hội phù hợp với tình hình phát triển của xã hội. Trong đó, thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.

Chủ động nắm chắc tình hình địa bàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, đất đai, khiếu kiện để kích động, gây rối an ninh trật tự; tăng cường đấu tranh phòng, chống âm mưu diễn biến hòa bình, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Xây dựng các khu dân cư biên giới vững mạnh, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ; chú trọng phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số để tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia giữ gìn an ninh, trật tự ở cơ sở.

Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết này trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với điều kiện thực tiễn của ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương; định kỳ kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện.

2. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Nghị quyết thành các đề án, cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch với lộ trình, kết quả và phân công trách nhiệm cụ thể cho tổ chức, cá nhân có liên quan; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện; sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu phổ biến, quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung Nghị quyết.

Nghị quyết này được phổ biến đến Chi bộ.

Nơi nhận:

- Thường trực Ban Bí thư (báo cáo);
- Các ban đảng TW và các vụ địa phương (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy: Các cơ quan Đảng tỉnh, UBND tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách TM, GV Tỉnh ủy;
- Đảng ủy MTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các đảng ủy xã, phường, đặc khu;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- VPTU: CVP, PCVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY